

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 158/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 21 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty trách nhiệm hữu hạn Chế biến lâm sản Shaiyo AA Quảng Trị số 03/CV-CBLSAA ngày 29/10/2025 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 666/TTr-SNNMT ngày 13/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chế biến lâm sản Shaiyo AA Quảng Trị, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hải Thượng, xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: Nhà máy sản xuất dăm gỗ và chế biến lâm sản với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất dăm gỗ và chế biến lâm sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hải Thượng, xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 3200572289 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/9/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

1.4. Mã số thuế: 3200572289.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 36.501,0 m² gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng băm dăm: 1.213,82m²; Nhà văn phòng: 91,3m²; Kho: 1.286,48m²; Bãi chứa dăm gỗ: 16.452,64m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ với tổng diện tích: 9.335,4m².

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải: 131,56m²; Kho chứa chất thải nguy hại 14,08m²; Sân phơi bùn: 12,06m²; Bãi tập kết phế thải: 220m²; Mương thu nước: 443,66m²; Cây xanh: 7.300m².

- Nhóm Dự án: C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất: 300- 400 tấn gỗ tươi/ngày.

- Quy trình công nghệ sản xuất dăm gỗ: Gỗ nguyên liệu → Cân nguyên liệu → Máy băm → Máy sàng → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Chế biến lâm sản Shaiyo AA Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH chế biến Lâm Sản Shaiyo AA Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Các Sở: NN&MT, Công Thương;
- Chánh VP, PCVP Nguyễn Cửu;
- UBND xã Hải Lăng;
- BQLDA PTQĐ và CCN Diên Sanh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thu). *TC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Cơ sở: Nhà máy sản xuất dăm gỗ và chế biến lâm sản
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 158/GPMT-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Nhà xưởng.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực Nhà văn phòng.
- Nguồn số 3: Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm, nguyên liệu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng nước thải (tương ứng với nguồn thải số 01, 02, 03): Nước thải sau khi được xử lý theo đường ống PVC D140mm dài 151,5m dẫn ra hố ga chờ tại góc phía Đông của Nhà máy.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga xả thải nằm phía Đông của Nhà máy vào cống thoát nước của Cụm công nghiệp Hải Thượng, xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.848.117 m; Y: 630.421m.

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°)

Khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Hải Thượng xây dựng hoàn thiện, Chủ Cơ sở sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 102,59 m³/ngày.đêm, trong đó:

- Nguồn thải số 1,2: 0,59 m³/ngày.đêm
- Nguồn thải số 3: 102,0 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Kq=0,9; Kf=1,1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5 - 9		
3	TSS	mg/l	99		
4	BOD ₅	mg/l	49,5		
5	COD	mg/l	148,5		
6	Tổng Nitơ	mg/l	39,6		
7	Tổng Photpho	mg/l	5,94		
8	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nhà vệ sinh khu vực Nhà xưởng: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống uPVC D114 dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ theo đường ống PVC D110 dài 15m thu vào mương thu nước qua bãi nguyên liệu rồi dẫn vào các bể xử lý nước thải của Nhà máy.

- Nhà vệ sinh khu vực Nhà văn phòng: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống uPVC D114 dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ theo đường ống PVC D110 dài 15m thu vào mương thu nước qua bãi nguyên liệu rồi dẫn vào các bể xử lý nước thải của Nhà máy.

b. Nước mưa chảy tràn khu vực bãi chứa nguyên liệu, bãi chứa dăm ngoài trời:

Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu, bãi chứa dăm ngoài trời: Được thu gom bằng mương có chiều rộng 400mm chạy xung quanh bãi dăm với tổng chiều dài 407,8 m về bể xử lý nước thải của Nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nhà vệ sinh khu vực Nhà xưởng: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống uPVC D114 dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ theo đường ống PVC D110 dài 15m thu vào mương thu nước qua bãi nguyên liệu rồi dẫn vào bể xử lý nước thải của Nhà máy.

- Nhà vệ sinh khu vực Nhà văn phòng: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống uPVC D114 dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ theo đường ống PVC D110 dài 15 m thu vào mương thu nước qua bãi nguyên liệu rồi dẫn vào bể xử lý nước thải của Nhà máy.

1.2.2. Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu, bãi chứa dăm ngoài trời:

- Phương án thu gom nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu và bãi chứa dăm để xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn từ bãi nguyên liệu và bãi chứa dăm theo hệ thống mương dẫn có chiều rộng 0,4 m với tổng chiều dài 407,8m. Những trận mưa đột đầu, nước mưa có hàm lượng chất bẩn cao (mùn, vỏ cây) sẽ được thu gom vào hệ thống để xử lý, trường hợp những trận mưa lớn kéo dài, nước mưa ở phần đáy dòng chảy (chứa hàm lượng chất ô nhiễm cao hơn phần mặt) sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống xử lý, phần nước mặt sẽ thoát ra theo hệ thống thoát nước mưa của nhà máy.

+ Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất của nhà máy là $102,59\text{m}^3/\text{ngày}$ tương đương $4,27\text{m}^3/\text{h}$. Cơ sở đã xây dựng bể xử lý nước thải công suất $7,3\text{m}^3/\text{h}$ (tương đương $175\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm) nằm ở góc phía Nam của Nhà máy. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn môi trường một phần được sử dụng làm nước cấp phòng cháy chữa cháy, một phần sẽ theo đường ống PVC D140 dài 151,5 m dẫn ra hồ gas chờ tại góc phía Đông của Nhà máy. Khi hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Hải Thượng xây dựng hoàn thành, Chủ cơ sở sẽ đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý của Cụm công nghiệp theo quy định.

- Quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Hồ thu + chắn rác → Bể điều hòa → Bể lắng → Bể lọc → Bể lọc → Bể lọc → Bể chứa → Thoát ra môi trường.

- Kích thước các bể xử lý:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú	Thể tích
1	Bể thu, chắn rác	Bể	1	Xây gạch chi, KT = (4,8 x 5,3 x 1,8)m	45,79
2	Bể điều hòa	Bể	1	Xây gạch chi KT = (4,8 x 3,8 x 1,8)m	32,83
2.1	Bể lắng	Bể	1	Xây gạch chi KT = (4,3 x 3,3 x 1,8)m	25,54
2.2	Bể lọc	Bể	1	Xây gạch chi KT = (1,3 x 3,3 x 1,8)m	7,72
2.3	Bể lọc	Bể	1	Xây gạch chi KT = (0,8 x 1,3 x 1,8)m	1,87
2.4	Bể lọc	Bể	1	Xây gạch chi KT = (0,8 x 4,8 x 1,8)m	6,91

3	Bể chứa	Bể	1	Xây gạch chi	84,67
				KT = (9,8 x 4,8 x 1,8)m	
4	Sân phơi bùn	Bể	1	KT = (3,36 x 3,6)m	12,06

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án có tổng lượng nước thải phát sinh là 102,59 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình do nhà cung cấp đưa ra;

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, khắc phục.

- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

- Khi hệ thống nước thải xảy ra sự cố, Công ty sẽ ngừng sản xuất và khắc phục hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Dự kiến trong vòng 03 tháng sau khi được cấp giấy phép.

- Trước khi vận hành thử nghiệm 10 ngày, có kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và nguyên liệu ngoài trời.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Hố thu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại bể chứa, trước khi xả nước thải ra môi trường hoặc trước khi đầu nối vào hệ thống Thu gom nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tần suất quan trắc chất thải do Chủ Cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa các khu vực khác hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Lập thủ tục đấu nối và hoàn thiện hệ thống đường ống đấu nối nước thải sinh hoạt tại Khu vực văn phòng, Nhà xưởng, nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy đấu nối, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng trước khi đấu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Hải Thượng.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy sản xuất dăm gỗ và chế biến lâm sản

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 158 /GPMT-UBND ngày 21 tháng 1 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động băm dăm.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ quá trình hoạt động của xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng dăm, tọa độ X: 1.848.169 m; Y: 630.284 m;
- Nguồn số 02: Đường nội bộ và sân chứa dăm, bãi chứa nguyên liệu, tọa độ X: 1.848.092m; Y: 630.272m;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	94	88	QCVN 24/2016/BYT	Không áp dụng
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	3,9	2,0	QCVN 27/2016/BYT	

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung xung quanh Cơ sở: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc
1	Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Không áp dụng

2	Độ rung	m/s ²	70	60	QCVN 27:2010/ BTNMT	
---	---------	------------------	----	----	------------------------	--

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Đối với khu vực băm dăm là nơi phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông dày nửa nổi nửa chìm dưới mặt đất, các máy móc này được cân chỉnh, cố định bằng các bệ móng và đặt trong nhà xưởng được xây tường cách âm. Ngoài ra, công nhân làm việc trong nhà máy được trang bị các thiết bị chống ồn.

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi đảm bảo tỷ lệ theo quy định nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Nhà máy.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy sản xuất dăm gỗ và chế biến lâm sản

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 158/GPMT-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Chủng loại	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3,0
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	6,0
	Tổng cộng (làm tròn)			9,0

- Tổng lượng chất thải nguy hại của Nhà máy khoảng 9kg/năm (dao động từ 0,75 kg/tháng)

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (Tấn/ngày)
1	Mùn cưa, gỗ thải bỏ, vỏ cây	Rắn	09 01 03	3,33
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	09 03 06	0,003
3	Bùn thải từ Nhà vệ sinh tự hoại	Bùn	-	0,002

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Cơ sở khoảng 3,335 tấn/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: tối đa khoảng 7,5 kg/ngày

- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của Cơ sở sẽ được thu gom theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Chất thải nguy hại được thu gom vào 02 thùng phi loại 200 L, có dán nhãn và ghi rõ loại chất thải nguy hại cần lưu trữ, trên có nắp đậy kín.

- Chất thải nguy hại được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 14,08m², bên ngoài kho chứa chất thải nguy hại bố trí 01 biển báo khu vực nguy hiểm không cho người ngoài ra vào khu vực.

- Chất thải nguy hại được Công ty hợp đồng với Đơn vị có chức năng có Giấy phép hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tăng cường nhắc nhở cán bộ nhân viên của nhà máy thường xuyên vệ sinh, thu gom chất thải trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng thiết bị, lưu tại khu vực kho chứa theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, trong đó:

- + Chất thải hữu cơ (thức ăn dư thừa) cơ sở tận dụng làm thức ăn cho gia súc.

- + Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton... sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- + Thu gom và chứa đựng trong những thùng rác bằng nhựa loại 120L có nắp đậy, số lượng 03 thùng.

- + Chất thải rắn sinh hoạt còn lại không có khả năng tái chế thực hiện hợp đồng với Đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý, tần suất 01 lần/tuần.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường:

- + Đối với đầu vụn, vụn gỗ, gỗ không đạt tiêu chuẩn được thu gom và bán cho các hộ dân ở gần;

- + Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: đây là loại chất thải có thể chứa các thành phần nguy hại, vì vậy cần phải phân tích để xác định thành phần nguy hại, nếu phát hiện thành phần nguy hại thì sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT, còn không phát hiện có chứa thành phần nguy hại thì hợp đồng với Đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý.

- + Bùn thải từ Nhà vệ sinh tự hoại sẽ được Công ty hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- + Bố trí công nhân thường xuyên nạo vét bùn lắng tại cái hệ thống thu gom xử lý nước thải đảm bảo không làm tắc nghẽn hệ thống thu gom, xử lý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố cháy, nổ

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ đang áp dụng tại Cơ sở:

- Hệ thống Phòng cháy chữa cháy:
- + Tại xưởng sản xuất bố trí hệ thống chữa cháy vách tường.
- + Bố trí các bình chữa cháy MT3, bình MFZ4, Bình MFTZ35 để chữa cháy khi xảy ra sự cố cháy nổ.
- Thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện.
- Đưa ra các nội quy cán bộ công nhân viên không được hút thuốc trong khuôn viên Nhà máy;
- Tổ chức các lớp tập huấn và thực hành về công tác phòng cháy chữa cháy cho CBCNV dưới sự hướng dẫn của cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, định kỳ 01 lần/năm;
- Các số điện thoại của y tế, Phòng cháy chữa cháy bố trí sẵn để kịp thời ứng cứu. Phương tiện Phòng cháy chữa cháy có tiêu lệnh và hướng dẫn cách sử dụng.
- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, Ban lãnh đạo Công ty thông báo kịp thời cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Nhà máy và các cơ sở sản xuất lân cận biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy kịp thời hạn chế đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

2. An toàn lao động và an toàn giao thông

- Nhà máy bắt buộc tất cả công nhân lao động trong giờ làm việc phải sử dụng các biện pháp an toàn lao động (Khẩu trang chống bụi, nút chống ồn...).
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, định kỳ 06 tháng/lần. Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cán bộ công nhân viên đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc;
- Đối với công nhân kỹ thuật sẽ thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc;
- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân 01 lần/năm. Trong đó, tập trung vào một số bệnh nghề nghiệp thường hay áp dụng khám sàng lọc là các bệnh phổi nghề nghiệp, điếc nghề nghiệp. Tùy theo loại hình làm việc của công nhân trong nhà máy để lựa chọn loại hình khám phù hợp.

- Đội xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào Cơ sở, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông cũng như nội quy đề ra. Các phương tiện có giấy chứng nhận Đăng kiểm phương tiện theo quy định của Nhà nước.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Chủ Cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ hoặc đột xuất nhằm đảm bảo đánh giá hiệu quả xử lý của Hệ thống xử lý nước thải hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước và đơn vị quản lý vận hành hạ tầng cụm công nghiệp.

2. Quan trắc chất thải rắn

- Thông số quan trắc: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy sản xuất dăm gỗ và chế biến lâm sản

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 158/GPMT-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Cơ sở phải thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường và đề xuất cấp giấy phép môi trường nếu thực hiện Nhà Xưởng sản xuất chế biến gỗ theo Chủ trương đầu tư đã cấp.

- Yêu cầu Chủ Cơ sở phải vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, đảm bảo thu gom và xử lý lượng nước thải phát sinh trước khi xả thải ra môi trường. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Cơ sở sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và có biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Chủ Cơ sở thực hiện vận hành có hiệu quả hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường khác theo Nội dung của giấy phép này.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại đầu ra cuối cùng của hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu và bãi chứa dăm ngoài trời.

- Thực hiện đấu nối nước thải sinh hoạt, sản xuất sau xử lý vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của Cụm Công nghiệp khi đầu tư xây dựng hoàn thành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ thu gom, xử lý các nguồn nước thải nội bộ đảm bảo quy định; phải thực hiện đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý chung của Cụm công nghiệp Hải Thượng khi hệ thống xử lý nước thải chung của Cụm công nghiệp hoàn thành đưa vào sử dụng; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi nguyên liệu, đảm bảo không để nước mưa chảy tràn không được xử lý xả thải ra môi trường, ảnh hưởng đến người dân.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).

3. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên nhà máy trong suốt quá trình hoạt động.

4. Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.